

Số: 136/2023/QĐST-HNGĐ

TX, ngày 27 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH T

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Hòa

2. Ông Lê Xuân Ton

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 8 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 116/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

1. Nguyên đơn: - Chị Bùi Thị T; Sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Thôn Thọ Liên, xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh T.

2. Bị đơn: - Anh Vũ Xuân D; Sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn Xuân Thịnh, xã XD, TX, T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Chi Bùi Thị T và anh Vũ Xuân D tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chi Bùi Thị T và anh Vũ Xuân D công nhận có 01 con chung là cháu Vũ Minh Vương, sinh ngày 22/10/2017. Khi ly hôn chị T và anh D thống nhất giao cháu Vũ Minh Vương cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom con không ai được ngăn cấm, cản trở.

- *Về tài sản chung và công nợ*: Chi Bùi Thị T và anh Vũ Xuân D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Bùi Thị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí của vụ án là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền mà chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TX, tỉnh T theo biên lai số: 0002467 ngày 28/6/2023. Theo đó chị T đã hoàn thành việc nộp án phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện TX;
- Chi cục THAND huyện TX;
- Đương sự;
- UBND xã XD;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Long